

Thanh Khê, ngày tháng 09 năm 2022

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

(Hóa chất, VTYT theo máy sinh hóa tự động HS300SR)

Kính gửi: Quý đơn vị, nhà cung cấp có năng lực.

Hiện tại, Trung tâm Y tế quận Thanh Khê đang có nhu cầu mua sắm các loại hóa chất vật tư y tế phục vụ cho công tác khám chữa bệnh. Để có cơ sở xây dựng giá dự toán và xây dựng kế hoạch mua sắm, Trung tâm kính mời các đơn vị, nhà cung cấp quan tâm có đủ điều kiện và năng lực tham gia báo giá.

Danh mục chào giá (Phụ lục 1 đính kèm)

Trung tâm Y tế quận Thanh Khê kính mời Quý đơn vị, nhà cung cấp tham gia chào giá, gửi về Khoa Dược-TTB-VTYT. Số 62/32 Hà Huy Tập, Thanh Khê Đông, Thanh Khê, Đà Nẵng.

Hạn cuối: 17h00 ngày 05/10/2022

Hồ sơ chào giá gồm các loại giấy tờ như sau:

1. Báo giá (do đại diện hợp pháp của công ty ký và đóng dấu công ty) (theo phụ lục 2 đính kèm), (lưu ý: cột giá kê khai thiết bị y tế theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 yêu cầu kèm ảnh chụp màn hình để chứng minh); quyết định trúng thầu (đã đăng tải trên cổng công khai kết quả thầu hoặc hóa đơn bán hàng có giá thấp nhất trong vòng 12 tháng)

2. Giấy phép kinh doanh của đơn vị. (Bản phô to công chứng trong vòng 6 tháng)

3. Giấy chứng nhận công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế.

4. Catalogue, tài liệu tính năng kỹ thuật (thông số, đặc tính kỹ thuật của hàng hóa chào giá (nếu hàng nhập khẩu nước ngoài kèm bản dịch tiếng việt)); tài liệu chứng minh phân nhóm theo thông tư 14/2020/TT-BYT ngày 10/07/2020.

5. Hợp đồng tương tự cung cấp thiết bị đơn vị đã ký trong thời gian 12 tháng gần đây kèm bản photo công chứng Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có).

Lưu ý hàng hóa chào giá là hàng hóa mới, đạt tiêu chuẩn ISO, chưa qua sử dụng, được sản xuất từ năm 2020 trở về sau này.



Người chào giá phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, ký tên khi nộp Bảng báo giá. Trong Bảng báo giá phải ghi rõ thời gian hiệu lực của báo giá. Hồ sơ chào giá phải được bỏ vào phong bì, niêm phong kín để bảo mật và tạo sự khách quan trong việc mời chào giá; bên ngoài phong bì phải ghi rõ nội dung để tiện theo dõi.

Hồ sơ xin gửi về: Khoa Dược-TTB-VTYT Trung tâm Y tế quận Thanh Khê. Số 62/32 Hà Huy Tập, Thanh Khê Đông, Thanh Khê, Đà Nẵng.

Rất mong nhận được sự hợp tác của quý đơn vị để Trung tâm Y tế quận Thanh Khê mua sắm kịp thời phục vụ cho công tác khám chữa bệnh.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (để biết).
- Lưu: VT, TCKT, Dược-TTB-VTYT.

GIÁM ĐỐC



Võ Duy Trinh





Phụ lục 1: DANH MỤC HÓA CHẤT, VẬT TƯ THEO MÁY SINH HÓA TỰ ĐỘNG HS300SR

STT	Tên hóa chất, vật tư y tế	Tên thương mại (tham khảo)	Quy cách tham khảo	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	ĐVT	Số lượng dự trữ cho 1 năm sử dụng	Phân nhóm
I. HÓA CHẤT SINH HÓA THEO MÁY SINH HÓA TỰ ĐỘNG HS300SR							
1	Chất chuẩn xác nhận giá trị sinh hóa	13160 AUTOCAL CALIBRATOR 4X5ML	Hộp/4x5 ml	Chất hiệu chuẩn sử dụng cho xét nghiệm sinh hóa -Thành phần: Huyết thanh người và các thành phần hóa học -Độ bền trên máy: ở 25°C: 8 giờ; ở 2-8°C: 7 ngày Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR -TCCL: CE, ISO 13485	Hộp	5	3
2	Chất QC mức bình thường	13511 HUMATROL N 6*5ML	Hộp/6x5 ml	-Huyết thanh kiểm soát dùng trong xét nghiệm sinh hóa. -Thành phần: Bovine serum, spiked with clinical chemistry parameters (enzymes, substrates, electrolytes, organic and inorganic compounds, proteins, lipids) -Độ bền trên máy: 8 giờ ở 25°C; 7 ngày ở 2-8°C Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR -TCCL: CE, ISO 13485	Hộp	4	3

3	Chất QC mức bệnh lý	13512 HUMATROL P 6*5ML	Hộp/6x5 ml	-Huyết thanh kiểm soát dùng trong xét nghiệm sinh hóa. - Thành phần: Bovine serum, spiked with clinical chemistry parameters (enzymes, substrates, electrolytes, organic and inorganic compounds, proteins, lipids) -Độ bền trên máy: 8 giờ ở 25°C; 7 ngày ở 2-8°C Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR -TCCL:CE, ISO 13485	Hộp	4	3
4	Thuốc thử Albumin	10560600 ALBUMIN LIQUICOLOR HUMASTAR 600	Hộp/6x150 test	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng nồng độ Albumin trong huyết tương và huyết thanh -Phương pháp: BCG (Bromocresol green) - Thành phần: [RGT] Colour Reagent (R1) Citrate buffer (pH 4.2) 30 mmol/l Bromocresol green 260 µmol/l - Độ bền trên máy: 56 ngày - Dây đo: 0.5 – 8.0 g/dl or 5 – 80 g/l Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR - TCCL: CE, ISO 13485	Hộp	1	3

5	Thuốc thử Amylase	12028600 AMYLASE LIQUICOLOR	Hộp/3x260 test	-Hóa chất cho xét nghiệm định lượng alpha-Amylase trong huyết thanh hoặc huyết tương trắng heparin. -Phương pháp: So màu chất lỏng alpha-Amylase -Thành phần: R1: MES buffer, pH 6.0 36 mmol/l, CNPG3 1.6 mmol/l, Calcium acetate 3.6 mmol/l, Sodium chloride 37 mmol/l, Potassium thiocyanate 253 mmol/l Sodium azide 0.095 % -Độ bền trên máy: 56 ngày -Dây đo: 3.85 – 1730 U/l or 0.07 – 28.8 µkat/l* *IFCC standardization Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR -TCCL:CE, ISO 13485	Hộp	6	3
6	Thuốc thử Bilirubin Direct	10741600 AUTO-BILIRUBIN D LIQUICOLOR	Hộp/5x210 test	-Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Bilirubin-D trong huyết thanh hoặc huyết tương trắng heparin. -Phương pháp: DPD -Thành phần: R1: Hydrochloric acid (pH < 1.0) 170 mmol/l, R2: Sulphuric Acid (pH < 1.0) <5%, 3,5-dichlorophenyl-diazonium-tetrafluoroborate 0.24 mmol/l -Độ bền trên máy: 56 ngày -Dây đo: 0.1 – 10.0 mg/dl or 1.71 – 171 µmol/l Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR -TCCL:CE, ISO 13485	Hộp	3	3

7	Thuốc thử Bilirubin Total	10742600 AUTO-BILIRUBIN T LIQUICOLOR	Hộp/5x210 test	-Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Bilirubin-T trong huyết thanh hoặc huyết tương trắng heparin. - Phương pháp: DPD -Thành phần: Caffeine 5.2 mmol/l, Chất tẩy rửa, Chất bảo quản. R2: 3,5-dichlorophenyl-diazonium-tetrafluoroborate 0.9 mmol/l, Caffeine 5.2 mmol/l, Chất tẩy rửa, Chất bảo quản -Độ bền trên máy: 56 ngày -Dãy đo: 0.10 – 20 mg/dl 1.71 – 342 μmol/l Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR -TCCL:CE, ISO 13485	Hộp	3	3
8	Thuốc thử Calcium	10011600 CALCIUM LIQUICOLOR	Hộp/3x430 test	-Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Calcium trong huyết thanh hoặc huyết tương trắng heparin. - Phương pháp: CALCIUM OCPC/AMP -Thành phần: R1: Lysine buffer (pH 11.1) 0.2 mol/l Sodium azide 0.095 %. R2: 8-Hydroxyquinoline 14 mmol/l, o-Cresolphthalein-complexone 0.1 mmol/l, Hydrochlorid acid 40 mmol/l -Độ bền trên máy: 21 ngày -Dãy đo: 0.25 – 20 mg/dl 0.06 – 5.00 mmol/l Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR -TCCL:CE, ISO 13485	Hộp	5	3

9	Thuốc thử Cholesterol	10028600 CHOLESTEROL LIQUICOLOR	Hộp/ 3x150 test	-Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Cholesterol trong huyết thanh hoặc huyết tương trắng heparin/EDTA. -Phương pháp: enzymatic hydrolysis and oxidation -Thành phần: R1: Phosphate buffer, pH 6.5 30 mmol/l, 4-Aminoantipyrine 0.3 mmol/l, Phenol 5 mmol/l, Peroxidase (POD) ≥ 5 KU/l, Cholesterol esterase (CHE) ≥ 150 U/l, Cholesterol oxidase (CHO) ≥ 100 U/l, Sodium azide 0.05 % -Độ bền trên máy: 56 ngày Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR -TCCL:CE, ISO 13485	Hộp	19	3
10	Thuốc thử Creatinine	10052600 AUTO-CREATININE LIQUICOLOR	Hộp/5x250 test	-Hóa chất cho xét nghiệm định lượng auto-Creatinine trong huyết thanh hoặc huyết tương trắng heparin. -Phương pháp: Jaffé -Thành phần: R1: Sodium Hydroxide 160 mmol/l, R2: Picric Acid 13.9 mmol/l -Độ bền trên máy: 21 ngày -Dãy đo: 0.10 – 25.0 mg/dl 8.84 – 2210 μ mol/l Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR -TCCL:CE, ISO 13485	Hộp	15	3

11	Thuốc thử Glucose	10260600 GLUCOSE LIQUICOLOR	Hộp/6x210 test	-Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Glucose trong huyết thanh hoặc huyết tương trắng heparin/EDTA. -Phương pháp: GODPAP -Thành phần: R1: Phosphate buffer, pH 7.5 100 mmol/l 4-Aminoantipyrine 0.25 mmol/l, Phenol 0.75 mmol/l, Peroxidase ≥ 1.5 KU/l, Glucose oxidase ≥ 15 KU/l, Mutarotase > 0.1 KU/l, Sodium azide 0.095 % -Độ bền trên máy: 56 ngày -Dây đo: 2 – 500 mg/dl 0.11 – 27.8 mmol/l Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR -TCCL: CE, ISO 13485	Hộp	20	3
12	Thuốc thử đo GOT LiquiUV	12021600 GOT LIQUIUV	Hộp/5x310 test	-Hóa chất cho xét nghiệm định lượng GOT trong huyết thanh hoặc huyết tương trắng heparin/EDTA. -Thành phần: R1: TRIS buffer (pH 7.8) 100 mmol/l, L-aspartate 300 mmol/l, LDH ≥ 0.9 KU/l, MDH ≥ 0.6 KU/l. R2: 2-oxoglutarate 60 mmol/l, NADH 0.9 mmol/l -Độ bền trên máy: 56 ngày Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR -Dây đo: 3 – 500 U/l or 0.05 – 8.33 μ kat/ -TCCL: CE, ISO 13485	Hộp	15	3

13	Thuốc thử đo GPT LiquiUV	12022600 GPT LIQUIUV	Hộp/5x310 test	-Hóa chất cho xét nghiệm định lượng GPT trong huyết thanh hoặc huyết tương trắng heparin/EDTA. -Thành phần: R1: TRIS buffer (pH 7.5) 150 mmol/l, - L-alanine 750 mmol/l, LDH ≥ 1.2 KU/l. R2: 2-oxoglutarate 90 mmol/l, NADH 0.9 mmol/l -Độ bền trên máy: 56 ngày - Dãy đo: 6 – 500 U/l 0.10 – 8.33 μkat/l - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR -TCCL:CE, ISO 13485	Hộp	15	3
14	Thuốc thử đo Gamma GT Liquicolor	12023600 GAMMA GT LIQUICOLOR	Hộp/3x250 test	- Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng GGT trong huyết tương và huyết thanh - Phương pháp: so màu động học - Thành phần: [BUF] Buffer / Enzyme reagent (R1) TRIS buffer, pH 8.3 125 mmol/l - Glycylglycine 150 mmol/l - Sodium azide 0.095% [SUB] Substrate (R2) - L-gamma-glutamyl-L-3-carboxy-4-nitroanilide 20 mmol/l - Sodium azide 0.095% - Độ bền trên máy: 56 ngày - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR - TCCL: CE, ISO 13485	Hộp	3	3

15	Thuốc thử HDL Cholesterol	10084600 HDL CHOLESTEROL	Hộp/2x180 test	-Hóa chất cho xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol trong huyết thanh hoặc huyết tương trắng heparin/ EDTA. -Thành phần: R1: Good's buffer, pH 6.6 (25°C) 100 mmol/l, Sodium chloride 170 mmol/l, Cholesterol esterase 1400 U/l, Cholesterol oxidase 800 U/l, Catalase 600 kU/l, Ascorbate oxidase 3000 U/l, N-(2-hydroxy-3-sulfoethyl)-3,5-dimethoxyaniline (HDAOS) 0.56 mmol/l, Chất bảo quản 0.1 % w/v. R2: Peroxidase 3500 U/l, 4-Aminoantipyrin (4-AA) 4 mmol/l, Good's buffer, pH 7.0 (25°C) 100 mmol/l, Chất bảo quản 0.1 % w/v, Chất tẩy rửa 1.4 % w/v, Sodium azide 0.05 % w/v -Độ bền trên máy: 14 ngày Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR -TCCL:CE, ISO 13485	Hộp	46	3
----	------------------------------	-----------------------------	-------------------	---	-----	----	---

16	Thuốc thử LDL Cholesterol	10094600 LDL CHOLESTEROL	Hộp/2x90 test	-Hóa chất cho xét nghiệm định lượng LDL-Cholesterol trong huyết thanh hoặc huyết tương trắng heparin/ EDTA. -Thành phần: R1: Good's buffer, pH 7.0 (25°C) 50 mmol/l, Magnesium chloride 20 mmol/l, Cholesterol esterase 600 U/l, Cholesterol oxidase 500 U/l, Catalase 600 KU/l, N-Ethyl-N-(2-hydroxy-3-sulfo-propyl)-3-methylaniline (TOOS) 2.0 mmol/l, Chất bảo quản < 0.1 % w/v. R2: Peroxidase 5000 U/l, 4-Aminoantipyrin (4-AA) 4 mmol/l, Good's buffer, pH 7.0 (25°C) 50 mmol/l, Sodium azide 0.05 % w/v, Chất tẩy rửa 1.4 % w/v, Chất bảo quản < 0.1 % w/v -Độ bền trên máy: 56 ngày -Dãy đo: 5 – 300 mg/dl 0.13 – 7.76 mmol/l - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR -TCCL:CE, ISO 13485	Hộp	52	3
17	Thuốc thử Protein total	10570600 TOTAL PROTEIN LIQUID COLOR	Hộp/6x210 test	-Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Protein toàn phần trong huyết thanh hoặc huyết tương trắng heparin /EDTA. - Phương pháp: Colorimetric test từ phản ứng của Cupric ions + protein trong dd kiềm -Thành phần: Sodium hydroxide 200 mmol/l, Potassium sodium tartrate 32 mmol/l, Copper sulfate 12 mmol/l, Potassium iodide 30 mmol/l -Độ bền trên máy: 28 ngày -Dãy đo: 0.2 – 12 g/dl 2 – 120 g/l - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR -TCCL:CE, ISO 13485	Hộp	1	3

18	Thuốc thử TRIGLYCERIDE	10724600 TRIGLYCERIDE LIQUICOLOR	Hộp/3x210 test	-Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Triglycerides trong huyết thanh hoặc huyết tương trắng heparin/EDTA. -Phương pháp: Enzymatic colorimetric test (thủy phân enzym với lipase) -Thành phần: R1: PIPES buffer (pH 7.5) 50 mmol/l, 4-chlorophenol 5 mmol/l, 4-aminoantipyrine 0.25 mmol/l - Magnesium ions 4.5 mmol/l, ATP 2 mmol/l, Lipases ≥ 1.3 U/ml, Peroxidase ≥ 0.5 U/ml, Glycerol kinase ≥ 0.4 U/ml, Glycerol-3-phosphate oxidase ≥ 1.5 U/ml -Độ bền trên máy: 56 ngày -Dãy đo: 10 – 1000 mg/dl 0.11 – 11.4 mmol/l - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR -Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485	Hộp	20	3
19	Thuốc thử Urea UV	10521600 UREA LIQUIUV	Hộp/5x250 test	-Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Urea trong huyết thanh hoặc huyết tương trắng heparin/EDTA. -Phương pháp: Thủy phân Urea và phản ứng của α-ketoglutarate tạo ra NAD+ (dưới xúc tác của enzym GLDH) -Thành phần: R1: TRIS buffer (pH 7.8) 125 mmol/l ADP 0.88 mmol/l, Urease ≥ 20 kU, GLDH ≥ 0.3 kU, Sodium azide 0.095%, R2: α-Ketoglutarate 25 mmol/l, NADH 1.25 mmol/l, Sodium azide 0.095% -Độ bền trên máy: 56 ngày -Dãy đo: 5 – 350 mg/dl 0.83 – 58.3 mmol/l - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR -Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485	Hộp	20	3

20	Thuốc thử Acid Uric	10694600 URIC ACID LIQUICOLOR PLUS	Hộp/5x250 test	-Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Uric Acid trong huyết thanh hoặc huyết tương trắng heparin/EDTA. -Phương pháp: TOOS + PAP -Thành phần: R1: Phosphate buffer (pH 7.5) 100 mmol/l, Ascorbate oxidase ≥ 1 KU/l, R2: Phosphate buffer (pH 7.5) 100 mmol/l, 4-Aminophenazone 0.3 mmol/l, Potassium hexacyanoferrate (II) ≥ 10 μmol/l, Peroxidase ≥ 1 KU/l, Uricase ≥ 0.1 KU/l -Độ bền trên máy: 56 ngày -Dãy đo: 1 – 25 mg/dl 59.5 – 1487 μmol/l - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR -Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485	Hộp	5	3
21	Thuốc thử định lượng CRP	11241600 CRP	Hộp/250 test	-Hóa chất cho xét nghiệm định lượng CRP trong huyết thanh hoặc huyết tương trắng heparin/EDTA. -Phương pháp: đo độ đục -Thành phần: R1: BES buffer (pH 7.5) 20 mmol/l, PEG 6000 5 %, Chất tẩy rửa 2 %, Sodium azide 0.095 %. R2: monospecific anti-human CRP antiserum (goat), Sodium azide 0.095 % -Độ bền trên máy: 49 ngày - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR -TCCL:CE, ISO 13485	Hộp	5	3

22	Chất chuẩn CRP	I1341 CRP STANDARD 2X1ML	Hộp/2x1 ml	- Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm sinh hóa CRP - Thành phần: 20% anti-human CRP antiserum (goat), adjusted to meet the specifications; 0.95 g/l sodium azide - Độ bền trên máy: 6 tuần - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR - TCCL: CE, ISO 13485	Hộp	5	3
23	Hóa chất sử dụng cho máy phân tích sinh hóa (Control CRP)	TURBIDOS	Hộp (2 x 2 x 3 ml)	Huyết thanh TURBIDOS kiểm soát độ chính xác và độ chính xác của hóa học lâm sàng phương pháp thủ công và tự động - Thành phần: Human serum, spiked with protein - Độ bền trên máy: 30 ngày - Độ ổn định: 24 tháng khi được bảo quản đúng cách - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR - TCCL: CE, ISO 13485	Hộp	5	3
24	Nước rửa kim hút hệ thống sinh hóa	18971 ADDITIVE WASH AUTO 4X25	Hộp/4x25 ml	- Dung dịch rửa máy chuyên dùng cho máy xét nghiệm HumaStar300 - HumaStar 600 - Thành phần: Chất tẩy rửa 25%, Chất bảo quản < 0.095 % - Điều kiện bảo quản: bảo quản ở 2-25oC, ở nhiệt độ phòng bền tới hạn sử dụng - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Hộp	3	3

25	Nước rửa hệ thống sinh hóa	18974 Special wash solution 12x30 ml	Hộp/12x30ml	-Dung dịch rửa đặc biệt được cung cấp đặc biệt để chuẩn bị dung dịch rửa cho máy HumaStar 100, 200, 300,600 và các máy cùng nhóm của Human GmbH, có thể áp dụng quy trình rửa đặc biệt công đo và kim. -Thành phần: có chứa Natri hydroxide (NaOH) 2 mol/l. -Điều kiện bảo quản: bảo quản ở 2-25oC bền tới hạn sử dụng - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR -Độ ổn định: Dung dịch pha loãng 60 mmol / l có độ ổn định 1 tuần -TCCL:CE, ISO 13485	Hộp	10	3
26	Nước pha loãng rửa hệ thống sinh hóa	16663/10 DILUENT HUMASTAR 600	Hộp/4x20 ml	- Dung dịch pha loãng mẫu chuyển dùng cho máy HumaStar, lọ có mã vạch đóng -Thành phần: 9 g/l sodium chloride; 0.095% Gentamicin sulphate -Độ bền trên máy: 30 ngày - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR -TCCL:CE, ISO 13485	Hộp	2	3
27	Dung dịch rửa cuvette	16663/20 CUVETTE CLEAN HUMASTAR 600	Hộp/6x55 ml	-Dung dịch rửa công đo cho máy sinh hóa tự động - Thành phần: NaOH <2% - Secondary alkaline sulfonates < 2% - Detergents < 10% - Độ bền: 36 tháng - Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR -TCCL: CE, ISO 13485	Hộp	2	3

28	Bóng đèn Halogen	16890/51 CALIBRATED HALOGEN LAMP	CÁI	Bóng đèn Halogen, sử dụng phù hợp cho máy sinh hóa tự động Humastar	Hộp	7	3
29	Cuvette chạy mẫu	16890/33 Reaction cuvettes (200 pcs)	Hộp/200 pcs	Cuvette phù hợp với hệ thống sinh hóa tự động Humastar	Hộp	1	3
30	Vật liệu kiểm soát giá trị bình thường và bất thường cho các xét nghiệm sinh hóa	Serodos (Control LDL-Choles)	Hộp (6 x 5 ml)	SERODOS® huyết thanh kiểm soát được thiết kế để kiểm soát độ chính xác và độ chính xác của các phương pháp hóa học lâm sàng cả thủ công và tự động - Thành phần: human serum, spiked with typical clinical chemistry parameters (enzymes, substrates, electrolytes, organic and inorganic compounds, proteins, lipids) - Điều kiện bảo quản: 2-8 độ Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR - TCCL: CE, ISO 13485	Hộp	4	3
31	Bộ bảo trì 12 tháng cho máy HumaStar 300SR	12 months maintenance kit for HS300SR		Bộ bảo trì bao gồm các phụ kiện phù hợp thay thế định kỳ mỗi 12 tháng cho máy HumaStar 300SR, bao gồm: - Kim trong hệ thống hút rửa cuvettes. Số lượng: 02 cái. - Kim sấy khô cuvette trong hệ thống hút rửa cuvettes. Số lượng: 01 cái. - Bộ ống dây dịch. Số lượng: 01 bộ. - Giắc của Diluter Syringe hút mẫu và hóa chất. Số lượng: 02 cái. - Dây bơm nhu động của hệ thống rửa cuvette. Số lượng: 10 cái. - Bộ cuvettes phản ứng dùng cho máy HumaStar 300SR. Số lượng: 01 bộ.	Kit	1	Bộ bảo trì Không phản nhóm



			- Màng bơm của bơm chân không. Số lượng: 02 cái.
			- Ông kết nối dây dịch. Số lượng: 04 cái.
			- Gioăng của kim hút mẫu và hao chất. Số lượng: 01 cái.